

Án số: 11/2019/HNGĐ- PT
Ngày: 16/04/2019
*V/v Yêu cầu thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên
Ông Ong Thân Thắng

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLPT- HNGĐ ngày 19/03/2019 về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 45/2018/HNGD-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐ-PT ngày 21/03/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Đăng ký Hộ khẩu thường trú: Tổ 33, khu vực 7, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: 72/6 X, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

-Bị đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: 179/2 N, phường 12, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú tại: Phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Hà Văn Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn ngày 27/02/2017, được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Năm 2015 chị và anh Đ ly hôn, Tòa án nhân dân huyện B giải quyết ly hôn và con chung. Cụ thể giao con chung tên Hà Thảo M, sinh 25/9/1999 cho chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Hà Minh P, sinh 28/11/2008. Sau khi ly hôn, anh Đ không nuôi dưỡng, chăm sóc con chung mà để bác ruột là bà Hà Thị Đ, cư trú tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nuôi cháu Hà Minh P. Anh Đ đang làm ăn sinh sống ở quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh Đ cản trở, không cho chị thăm nom cháu P, mỗi lần thăm nom cháu P, chị đều phải đưa tiền cho anh Đ. Việc anh Đ không trực tiếp nuôi con mà để chị ruột anh Đ (tức chị Đ) nuôi là không đảm bảo.

Hiện chị có nhà ở tại phường H, thành phố Q, nghề nghiệp của chị là chủ sản xuất chả cá, chứng cứ xuất trình là giấy phép kinh doanh, công việc và thu nhập ổn định, mức thu nhập trung bình 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng. Xưởng sản xuất cách nhà chị ở khoảng 25m. Chị xác định, chị có thời gian, kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung để cháu đảm bảo về vật chất cũng như về mặt tinh thần.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con chung tên Hà Minh P, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày: Sau khi anh và chị V ly hôn, cháu P học lớp 2 ở 179/2 N, phường 12, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vì anh có ý định chuyển ra Bắc nên sau khi cháu P học lớp 2 xong, anh xin chuyển cho cháu ra trường tiểu học thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Bố con anh làm thủ tục tạm vắng, tạm trú tại phố Q, thị trấn T từ giữa năm 2016 đến nay. Lý do bố con anh ra Bắc ở vì quê gốc của anh ở thị trấn T, huyện Y. Anh muốn bố con anh được sinh sống gần anh em họ hàng. Cháu P học ở phường 12, quận B lực học kém, sau khi học ở trường tiểu học thị trấn T cháu được sự dạy dỗ, kèm cặp của anh và các cô giáo đều là họ hàng nên cháu học tiến bộ hơn. Từ năm 2016 đến nay anh và cháu P ở tại nhà chị gái là bà Hà Thị Đ và ông Hoàng Văn N tại phố Q, thị trấn T. Hiện cháu có cuộc sống ổn định, học tốt. Bản thân anh có công việc và thu nhập ổn định. Công việc của anh là kinh doanh hải sản, kinh doanh chủ yếu bằng điện thoại, thỉnh thoảng, rất ít khi phải đi Sài Gòn. Anh thường xuyên có mặt ở nhà. Anh khẳng định, anh có thời gian chăm sóc, nuôi dạy cháu P. Chị V là người tốt, hiện chị làm chủ xưởng sản xuất chả cá ở thành phố Q, nhà ở gần xưởng, mặc dù về kinh tế chị V có khả năng nuôi con chung hơn anh, nhưng do chị V bận công việc, không có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra, chị V không có phương pháp giáo dục con. Anh xác định, anh có khả năng nuôi con chung hơn chị V vì anh có phương pháp và thời gian dạy dỗ chăm sóc con chung.

Nay chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V nuôi cháu P, anh không đồng ý.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2018 (bút lục 48), cháu Hà Minh P trình bày: Cháu là con đẻ của bố Đ, mẹ V, từ khi bố mẹ cháu chưa ly hôn cháu đã ở cùng bố. Năm 2015 bố mẹ cháu ly hôn, Tòa án giải quyết cho cháu được ở với bố. Thời gian cháu được ở với bố, bố cháu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đầy đủ. Cuộc sống hiện nay của cháu ổn định, học tập tốt nay cháu đề nghị chao cháu được ở với bố, cháu không đồng ý ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho mẹ cháu nuôi cháu thì cháu không đồng ý. Nhưng tại bản tự khai ngày 25/6/2018 có người giám hộ là chị Nguyễn Thị V mẹ đẻ cháu P (bút lục 126a) cháu Hà Minh P lại có đơn trình bày trước đây cháu có nguyện vọng ở với bố Hà Văn Đ nhưng nay cháu xin thay đổi nguyện vọng, ở với mẹ vì trước đây cháu ở với bố trong Sài Gòn đến năm 2016 bố đưa cháu ra bác Hà Thị Đ phường Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bố cháu ở trong Sài Gòn thỉnh thoảng bố cháu mới về thăm cháu. Việc ăn học của cháu đều do bác Đ lo. Nay cháu đã về với mẹ ở cháu muốn ở với mẹ không muốn ở với bác Đ và bố cháu.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 45/2018/ HNGĐ-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 3 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V

- Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hà Minh P, sinh 28 tháng 11 năm 2008. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2014/0009906 ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Chị V đã nộp đủ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do xét xử vắng mặt chị V và anh Đ, bản án được tổng đạt hợp lệ cho chị V, anh Đ. Ngày 7/09/2018 anh Hà Văn Đ kháng cáo, ngày 20/9/2018 anh Đ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm nói trên. anh đề nghị huỷ bản án sơ thẩm và giữ nguyên bản án trước đây giao con chung là cháu P cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Văn Đ không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt nguyên đơn chị V nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Hà Văn Đ trình bày: Anh kháng cáo bản án sơ thẩm không đồng ý giao cháu P cho chị V nuôi dưỡng chăm sóc. Anh ở quê thường xuyên, có điều kiện nuôi cháu P. Những lời trình bày của chị V không đúng sự thật. Tòa sơ thẩm xử không khách quan; Đơn của cháu P viết cách ngày cháu P bị bắt cóc 5 ngày, cháu không thể viết đơn. Lúc đó cháu Phương đang ở thành phố Đ không phải ở thành phố Q. Nội dung đơn của cháu P viết không đúng sự thật. Anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P hơn chị V. Chị V không có thời gian chăm sóc con và đưa đón con đi học. Do vậy, anh đề nghị tòa phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của anh giao cháu P cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị V đã có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Đ có mặt tại phiên tòa đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V.

[2].Về nội dung: Tại bản án số 1320/2015/HNGĐ- ST ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về ly hôn, con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Hà Thảo M, sinh ngày 25/9/1999. Giao cho anh Hà Văn Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Hà Minh P, sinh ngày 28/11/2008. Chị V và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị V khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con từ anh Đ sang chị đối với con chung Hà Minh P. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V giao con chung là cháu Hà Minh P, sinh ngày 28/11/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ kháng cáo không đồng ý. Xét kháng cáo của anh Hà Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì sau khi giải quyết ly hôn và con chung, anh Đ và cháu P sinh sống tại 179/2 N, phường 12, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Giữa năm 2016 anh Đ, cháu P làm thủ tục tạm vắng

tạm trú tại phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và cho cháu P nhập học tại trường tiểu học thị trấn T. Từ đó đến nay, anh Đ và cháu P ở nhà chị gái anh Đ là bà Hà Thị Đ và ông Hoàng Văn N tại phố Quán T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Theo cung cấp của Công an thị trấn T và ông N (chồng bà Đ): Cháu P sau khi chuyển về học tại trường tiểu học thị trấn T, ở cùng ông N, bà Đ. cháu P chủ yếu do vợ chồng ông N, bà Đ là chị gái anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ khi đi, khi về, thời gian 01 tháng đến 02 tháng về 1 lần. Toàn bộ việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu P là do vợ chồng bà Đ.

Mặt khác, tại cấp sơ thẩm cháu P có trình bày nguyện vọng được ở với bố sau đó lại thay đổi nguyện vọng được ở với mẹ, tại cấp phúc thẩm cháu P có đơn trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ và kèm theo là Giấy xác nhận của trường TH, THCS và THPT iSchool Q nơi cháu P đang theo học.

Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì chị V hiện tại có nhà ở và thu nhập ổn định từ nghề chả cá và cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập của chị, chị có đủ điều kiện trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Anh Đ trình bày chị V có điều kiện về kinh tế, về thời gian thì chị V bận công việc nhiều không có thời gian chăm sóc con chung việc đưa đón con đi học phải thuê người, anh hiện tại anh đang thuê nhà ở và có thu nhập từ việc buôn bán hải sản và chạy xe đón khách nhưng anh không cung cấp được chứng cứ. Như vậy, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của anh Đ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy anh Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Do vậy, bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện của các bên và nguyện vọng của cháu P và chấp nhận yêu cầu của chị V giao cháu Phương cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về Án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 3 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148; các Điều Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V

Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Hà Minh P, sinh 28 tháng 11 năm 2008. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0009906 ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Chị V đã nộp đủ.

Anh Hà Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002625 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y, Bắc Giang;
- TAND huyện Y, Bắc Giang;
- THADS huyện Y, Bắc Giang;
- THADS quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

